TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 5 – 2023
Về việc: "Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH-TỈNH BÌNH PHƯỚC

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đính

2. Bà Lương Thị Thu An

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- ***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 35/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023, về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXX-ST ngày 28/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐST-HPT ngày 11/5/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lò Văn B, sinh năm 1971; Tổ 6, khu phố 3A, phường M , thị xã C , tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Bà Lê Thị Thanh H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ 6, khu phố 3, phường M , thị xã C , tỉnh Bình Phước

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 06 tháng 3 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lò Văn B trình bày:

Ông Lò Văn B và bà Lê Thị Thanh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã M, huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Bình Phước nhưng sau thời gian dọn nhà thì giấy kết hôn đã bị thất lạc. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Vợ chồng đã tự sống ly thân nhau, mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau. Nay ông B nhận

thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên xin được ly hôn với bà Lê Thị Thanh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Lò Thanh S , sinh năm: 1995 và Lò Thị Thu T , sinh năm: 1998. Các con chung đã trưởng thành nên ông Lò Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết giao nuôi con chung.

Về tài sản chung: ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Lê Thị Thanh H tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 3 năm 2023 có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông B như sau:

Bà Lê Thị Thanh H và ông Lò Văn B sống chung với nhau từ năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, khi kết hôn hai bên đều độc thân, kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc hay lừa dối. Bà H không cung cấp được giấy kết hôn vì bị thất lạc, khi xin cấp lại thì không có nên không cung cấp được cho Tòa án. Vợ chồng sống chung không hạnh phúc và xẫy ra mâu thuẫn, hiện nay đã sống ly thân nhau.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Lò Thanh S , sinh năm: 1995 và Lò Thị Thu T , sinh năm: 1998. Các con chung đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết giao nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS;

Về việc chấp hành theo quy đinh pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm;

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1, điều 28, điểm a, khoản 1, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27, Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: không công nhận ông Lò Văn B và bà Lê Thị Thanh H là vợ chồng, ông B phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án *"Ly hôn"* do nguyên đơn ông Lò Văn B khởi kiện đối với bị đơn bà Lê Thị Thanh H có nơi cư trú tại: tổ 6, khu phố 3, phường M , thị xã C , tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[2].Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lò Văn B, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: Ông Lò Văn B và bà Lê Thị Thanh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, khi chung sống cả hai đã đủ tuổi kết hôn, hoàn toàn độc thân và hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Vợ chồng đã tự sống ly thân nhau, mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau. Nay ông B yêu cầu ly hôn và bà H cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù ông Lò Văn B và bà Lê Thị Thanh H đều khai có đăng ký kết hôn tại UBND xã M , huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Bình Phước nhưng cả hai đều không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Theo Công văn trả lời của Phòng Tư pháp thị xã Chơn Thành thì từ năm 1993 đến nay không có thông tin lưu trường hợp đăng ký kết hôn của ông Lò Văn B và bà Lê Thị Thanh H. Do đó, căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân gia đình xác định hôn nhân của ông Lò Văn B và bà Lê Thị Thanh H là không hợp pháp. Do đó, căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì phải tuyên bố không công nhận ông Lò Văn B và bà Lê Thị Thanh H là vợ chồng.

[2.2].Về con chung: ông B và bà H có hai con chung Lò Thanh S , sinh năm: 1995 và Lò Thị Thu T , sinh năm: 1998 đều đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề giao nuôi con chung.

[2.3].Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4].Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do ông Lò Văn B là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 11, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 264, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án ngày 21/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lò Văn B.

1.Tuyên bố không công nhận ông Lò Văn B và bà Lê Thị Thanh H là vợ chồng.

2. *Về án phí sơ thẩm:* Ông Lò Văn B phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0012229 ngày 21/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BP;
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- UBND phường M , C , BP;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Chu Thị Thu Hà